

Khái quát chung về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tại Tập đoàn Bưu
chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)

Mục lục

Chương 1-	Khái quát chung về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tại Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)	10
1.1	Sự cần thiết, chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tại VNPT	10
1.1.1	Sự cần thiết cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tại VNPT	10
1.1.2	Chủ trương và định hướng cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tại VNPT	12
1.2	Những đặc thù cần chú ý trong việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tại VNPT	14
1.3	Thực hiện chủ trương cổ phần hóa tại Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	18
Chương 2 -	Thực trạng thi hành pháp luật cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tại Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	19
2.1	Khái quát chung về pháp luật cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước	19
2.1.1	Khái niệm và bản chất của cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước	19

2.1.2	Chính sách và các quy định của pháp luật Việt Nam về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước	20
2.1.3	Những thành tựu và những hạn chế trong việc thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tại Việt Nam hiện nay.	36
2.2	Những thuận lợi và khó khăn của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam trong việc thi hành pháp luật cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước	41
2.2.1	Những thuận lợi trong công tác cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước thuộc VNPT	42
2.2.2	Những kết quả thực hiện các chính sách, pháp luật trong việc thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tại VNPT	43
2.3	Những khó khăn trong việc thi hành pháp luật cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tại VNPT	57
Chương 3 -	Kiến nghị hoàn thiện pháp luật cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước và thi hành pháp luật cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước tại VNPT	65
3.1	Nguyên nhân của những khó khăn trong việc thi hành cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tại VNPT	65
3.2	Kiến nghị hoàn thiện pháp luật cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.	65

3.3	Kiến nghị thi hành pháp luật cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tại VNPT.	74
-----	---	----

	Danh mục tài liệu tham khảo.	80
--	------------------------------	----

Danh mục các ký hiệu và chữ viết tắt

STT	Từ viết tắt	Nội dung
1	VNPT	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam
2	VNPT VTV	Tổng công ty Viễn thông vùng
3	BCVT	Bưu chính Viễn thông
4	DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
5	ĐMQLDN	Đổi mới quản lý doanh nghiệp
6	CPH	Cổ phần hoá
7	CNV	Công nhân viên
8	CP	Cổ phần

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG

Danh mục sơ đồ

Trang

<i>Sơ đồ 1.1</i>	Sơ đồ tổ chức bộ máy của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	17
------------------	---	----

Danh mục bảng

<i>Bảng 2.1</i>	Báo cáo số lượng, quy mô các doanh nghiệp CPH	49-50
<i>Bảng 2.2</i>	Tình hình quản lý, sử dụng đất đai trong các doanh nghiệp cổ phần hóa	53-54
<i>Bảng 2.3</i>	Tình hình hoạt động của doanh nghiệp cổ phần hóa	56

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước là yêu cầu cấp bách của nước ta hiện nay. Doanh nghiệp nhà nước chiếm lĩnh những lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế, được nhà nước giao phó vai trò chủ đạo và được nhà nước đầu tư một khối lượng vốn lớn. Song trên thực tế doanh nghiệp nhà nước (DNNN) vẫn chưa thực sự phát huy tốt vai trò nòng cốt, đa số DNNN làm ăn thua lỗ, gây thất thoát tài sản nhà nước một cách nghiêm trọng.

Mục tiêu của quá trình đổi mới DNNN là từng bước phát huy có hiệu quả vai trò của DNNN để nhà nước chi phối, điều tiết sự phát triển nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa (XHHCN). Cổ phần hóa là một chủ trương lớn của Đảng và nhà nước, một trong các giải pháp quan trọng tạo chuyển biến cơ bản trong việc nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh của DNNN. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã chỉ rõ: *"Thực hiện tốt chủ trương cổ phần hoá và đa dạng hoá sở hữu đối với DNNN mà nhà nước không cần nắm giữ 100% vốn..."*. [16, tr.85-86]

Cổ phần hóa DNNN mở ra triển vọng xây dựng thị trường vốn lành mạnh và phong phú. Cổ phần hóa DNNN cũng tạo điều kiện cơ cấu lại nền kinh tế quốc dân. Thông qua quá trình “cổ phần hóa” chúng ta có điều kiện cấu trúc lại nền kinh tế quốc dân phân bố theo nhiều thành phần, nhiều hình thức sở hữu, và từ đó tăng cường vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế quốc doanh trên những mũi nhọn hàng đầu. Như vậy, kinh tế quốc doanh sẽ đảm bảo được vai trò là công cụ điều tiết mà không cần quá nhiều lĩnh vực, quá nhiều ngành nghề, khiến phải đầu tư vốn tràn lan không nắm chắc được hiệu quả, dễ gây thất thoát và thiệt hại.

Việc cổ phần hóa DNNN còn góp phần cải tiến quản lý kinh tế có hiệu quả hơn, bởi nó khẳng định vai trò của Hội đồng quản trị, là tổ chức thay mặt các cổ đông, quản lý với tư cách người chủ thực sự của doanh nghiệp, với động cơ tất cả vì hiệu quả của đồng vốn, vì quyền lợi và lợi nhuận của các cổ đông. Cổ phần hóa giúp cho người lao động ở đó thực hiện quyền làm chủ tốt hơn.

Việc cổ phần hóa các DNNN cũng tạo điều kiện làm cho cạnh tranh lành mạnh và phân phối thỏa đáng lợi nhuận thu được (theo vốn góp, theo năng suất và hiệu quả lao động), giúp cho việc xây dựng các quỹ phúc lợi (như quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ tiết kiệm tương trợ trong doanh nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế, quỹ bảo hiểm thất nghiệp,...) bảo đảm thực hiện tốt các chính sách xã hội.

Thực hiện chủ trương cổ phần hoá DNNN là nhằm tạo ra loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu. Trong đó có đông đảo người lao động để sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản của nhà nước và huy động thêm vốn xã hội vào phát triển sản xuất kinh doanh, tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động, có hiệu quả cho doanh nghiệp nhà nước, phát huy vai trò làm chủ thực sự của người lao động, của cổ đông và tăng cường sự giám sát của xã hội đối với doanh nghiệp, bảo đảm hài hoà lợi ích của nhà nước, doanh nghiệp và người lao động.

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 06/2006/QĐ-TTg ngày 09/01/2006 của Thủ tướng Chính Phủ về việc thành lập Công ty mẹ – Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam. Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) là công ty do nhà nước quyết định đầu tư và thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật đối với công ty nhà nước. Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam có nhiệm vụ kinh doanh theo quy hoạch, kế hoạch và chính sách của Nhà nước, bao gồm trực tiếp thực hiện các hoạt động

đầu tư, sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư vào doanh nghiệp khác trong các ngành, nghề lĩnh vực sau:

Dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin; Dịch vụ truyền thông;

Khảo sát, tư vấn, thiết kế, lắp đặt, bảo dưỡng các công trình viễn thông và CNTT;

Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu, cung ứng vật tư, thiết bị viễn thông và CNTT;

Dịch vụ tài chính, tín dụng ngân hàng; dịch vụ quảng cáo, kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng;

Các ngành, nghề khác theo quy định của pháp luật.

Quá trình cổ phần hoá DNNN những năm qua ở Việt Nam nói chung và Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam nói riêng cho thấy đây là một công việc hết sức khó khăn, phức tạp và nhạy cảm như: Vấn đề sở hữu, vấn đề chủ đạo của kinh tế nhà nước, hậu quả xã hội đối với người lao động, luôn luôn là vấn đề được Đảng, Nhà nước và xã hội quan tâm.

Chính vì vậy, việc nghiên cứu một số vấn đề lý luận và thực tiễn về Thi hành pháp luật cổ phần hoá DNNN hiện nay ở nước ta nói chung và ở Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam nói riêng, để từ đó rút ra một số kiến nghị nhằm đẩy nhanh tiến trình cổ phần hoá các DNNN thuộc Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam(VNPT) có ý nghĩa rất quan trọng và cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

Đi sâu nghiên cứu và khẳng định sự đúng đắn của các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về cổ phần hoá DNNN. Mục đích nghiên cứu của đề tài là làm sáng tỏ nội dung, cơ sở lý luận và thực tiễn của

các quy định về thi hành pháp luật cổ phần hoá của DNNN dưới góc độ pháp lý trên cơ sở đó phân tích các quan điểm hiện hành và thực tiễn áp dụng cổ phần hoá DNNN ở nước ta nói chung và VNPT nói riêng, từ đó tìm ra những khó khăn, vướng mắc, đề xuất những kiến nghị hoàn thiện và thi hành pháp luật cổ phần hóa.

Để đạt được mục đích này luận văn tập trung vào những vấn đề sau:

Khái quát chung về cổ phần hóa DNNN tại Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

Thực trạng thi hành pháp luật cổ phần hóa DNNN tại VNPT.

Kiến nghị hoàn thiện và thi hành pháp luật cổ phần hóa DNNN ở Việt Nam.

3. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả đã vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học như: phương pháp duy vật biện chứng, phân tích, tổng hợp, đối chiếu so sánh, kết hợp giữa phương pháp thống kê, phương pháp hệ thống, phương pháp phân tích mô tả, các phương pháp này đều dựa trên quan điểm, đường lối của Đảng và nhà nước.

4. Bố cục của luận văn

Chương 1: Khái quát chung về cổ phần hóa DNNN tại Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam

Chương 2: Thực trạng thi hành pháp luật cổ phần hóa DNNN tại VNPT.

Chương 3: Kiến nghị hoàn thiện pháp luật cổ phần hóa DNNN và thi hành pháp luật cổ phần hóa DNNN tại VNPT.